

TĂNG NI, PHẬT TỬ VIỆT NAM HIỆN THỰC HÓA CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NĂM ĐẦU TIÊN SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

TRẦN THANH THỦY*
LÊ CUNG**

Hơn năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám 1945, Việt Nam “bốn bề thọ địch”. Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm đe dọa vận mệnh dân tộc Việt Nam, đất nước ở vào thế “ngàn cân treo đầu sợi tóc”. Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược đã đưa đất nước vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách tưởng chừng không thể vượt qua được. Đường lối chính trị đó, như đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, đã khẳng định: “Đã được ghi vào lịch sử cách mạng nước ta như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược lê-nin-nít về lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch và về sự nhân nhượng có nguyên tắc” (1).

Vậy Tăng ni và Phật tử Việt Nam đã hưởng ứng chủ trương, chính sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh như thế nào, nhằm góp phần “vượt qua muôn vàn khó khăn”, giữ vững nền độc lập dân tộc vừa giành được qua Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Đó là nội dung mà bài viết này cần làm sáng tỏ.

1. Về chính trị

Nổi bật nhất là sự thành lập Hội Phật giáo Cứu quốc. Từ chiến khu về Hà Nội ngày 25-8-1945, ngay ngày hôm sau (26-8-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm chùa Bà Đá, trực tiếp gặp Hòa thượng Thích Thanh Thao (Đỗ Văn Hỷ), khuyến khích Hòa thượng vận động Tăng Ni, Phật tử ủng hộ cách mạng, góp công sức đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ thành quả cách mạng. Ngày 28-8-1945, tại trụ sở Hội Khai Trí Tiến Đức (Hà Nội), Hòa thượng Thích Thanh Thao tổ chức và chủ trì hội nghị với sự có mặt đại diện Mặt trận Việt Minh, gồm các ông Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt và hơn 100 nhà sư đại diện cho các sơn môn. Hội nghị đã thể hiện quyết tâm ủng hộ Mặt trận Việt Minh và quyết định thành lập tổ chức Phật giáo yêu nước lấy tên là Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ. Một Ban Chấp hành được bầu ra, gồm 9 thành viên do Hòa thượng Thích Thanh Thao làm Chủ tịch, Thượng tọa Thích Thanh Đặc và Bác sĩ Nguyễn Hữu Thuyết làm Phó Chủ tịch.

Sự thành lập Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ (28-8-1945) mở đầu cho một loạt

*TS. Trường Chính trị Lê Duẩn, tỉnh Quảng Trị

**PGS.TS. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

các Hội Phật giáo Cứu quốc cấp miền (bộ), cấp tỉnh, cấp thành phố, huyện, xã ra đời. Đáng chú ý là sự thành lập Hội Phật giáo Cứu quốc Trung Bộ (cuối 1945) do Thượng tọa Thích Trí Thủ làm Chủ tịch, Hội Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ (đầu 1946) do Thượng tọa Thích Minh Nguyệt làm Chủ tịch (2).

Từ đây, thông qua Hội Phật giáo Cứu quốc, Tăng ni và Phật tử Việt Nam có thêm cơ duyên đóng góp vào sự nghiệp giữ vững độc lập dân tộc. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vừa mới ra đời, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã có những chính sách tôn giáo kịp thời ứng phó với tình thế. Ngày 3-9-1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, chương trình 10 điểm do Quốc dân Đại hội thông qua ngày 16-8-1945 ở Tân Trào (Tuyên Quang) được Chủ tịch Hồ Chí Minh cụ thể hoá bằng 6 vấn đề cấp bách, trong đó có 2 vấn đề liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng: “Tất cả công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử, bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống,...” (Vấn đề thứ ba) và “thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết” (Vấn đề thứ sáu) (3).

Ngày 13-9-1945, đại biểu Phật giáo cùng đại biểu các tôn giáo bạn đến yết kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh, bày tỏ quyết tâm đoàn kết cứu nước và ủng hộ Chính phủ, do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Chủ tịch Hồ Chí Minh tâm sự với mọi người: “Dân tộc có giải phóng thì tôn giáo mới giải phóng được. Lúc này chỉ có quốc gia và không phân biệt tôn giáo, mỗi người đều là công dân nước

Việt Nam và có nhiệm vụ chiến đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc” (4).

Ngày 5-1-1946, Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ tổ chức Tuần lễ mừng Chính phủ Liên hiệp quốc gia tại chùa Bà Đá, Hà Nội với mục đích cầu chư Phật, Bồ tát và liệt thánh chứng giám lời thề của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhân viên trong Chính phủ, cầu nguyện nước Việt Nam độc lập. Lễ khai mạc được cử hành vào hồi 18 giờ. Nói chuyện với các Phật tử, Chủ tịch Hồ Chí Minh tâm sự: “Nước Phật ngày xưa có những 4 đẳng cấp làm li tán lòng dân và hại Tổ quốc. Nhưng Việt Nam ngày nay chỉ có một đẳng phái là toàn dân quyết tâm giành độc lập,... Nhưng đối với dân, ta đừng làm gì trái ý dân. Dân muốn gì ta phải làm nấy”. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Việc Phật Pháp không rời thế gian, các vị phải tham gia diệt giặc dốt, giặc đói và giặc ngoại xâm, cứu nước” (5). Ngày 23-5-1946, Bộ Nội vụ ra Nghị định số 158 NV/PG cho phép thành lập Việt Nam Phật giáo hội. Điều thứ nhất viết: “Việt Nam Phật giáo hội trụ sở ở 73 phố Quán Sứ (chùa Trung ương) nay được phép thành lập và hoạt động theo thể lệ đã ấn định trong Sắc lệnh số 52 ngày 22-4-1946”, trong đó, gồm mười bảy khoản qui định về mục đích hội (Khoản thứ hai), các chuyên ban, gồm 15 ban (Khoản thứ tám),... (6).

Cuối tháng 10, đầu tháng 11-1946, Quốc hội Khoá I họp kỳ thứ 2 thông qua Hiến pháp đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó Điều 1 khẳng định: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt giống nòi, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo...” (7). Với việc tuyên bố tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo của công dân, Hiến pháp năm 1946 đã tạo ra cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chính

sách đối với tôn giáo trên phạm vi cả nước. Tiếp theo, trong Chính cương của Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) cũng nêu rõ quyền tự do tín ngưỡng của công dân: “Tôn trọng tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng của mọi người, chống lại chính sách của đế quốc và mưu mô của Việt gian lợi dụng tôn giáo để chia rẽ dân tộc” (8).

Chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, đặc biệt là việc cho phép thành lập Việt Nam Phật giáo hội (23-5-1946), đã tạo được niềm tin đối với Tăng ni, Phật tử cả nước, có ý nghĩa thúc đẩy họ làm hết sức mình vì sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Hoạt động chính trị mang tính nhập thế đậm nét nhất của Phật giáo Việt Nam hơn năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là việc tăng sĩ tham gia bộ máy nhà nước cách mạng các cấp. Sau khi các Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ ra đời như đã đề cập, tại khắp các địa phương ba miền Bắc, Trung, Nam, các hội Phật giáo Cứu quốc cũng được thành lập, đảm nhận nhiệm vụ kêu gọi và tổ chức Tăng ni, Phật tử tham gia sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Tại Nam Bộ, Hòa thượng Thái Không, trụ trì chùa Tiên Linh, được bầu làm Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Bến Tre; Thượng tọa Pháp Đông, Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Gia Định; Thượng tọa Pháp Tràn, Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Mỹ Tho; Thượng tọa Pháp Long, Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Vĩnh Long; Thượng tọa Trí Quang, Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Quảng Bình; Thượng tọa Thiện Minh, Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Quảng Trị; Thượng tọa Huyền Quang, Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu

quốc tỉnh Bình Định,...

Có trường hợp, tăng sĩ vừa giữ chức vụ Chủ tịch của Hội Phật giáo Cứu quốc, vừa là thành viên của chính quyền địa phương như Thượng tọa Huệ Quang, Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Trà Vinh, giữ chức vụ Ủy viên xã hội tỉnh Trà Vinh; Thượng tọa Pháp Long, Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Vĩnh Long, giữ chức Trưởng Công an xã Tân Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là Tiền Giang). Có lúc tăng sĩ đảm nhận chức vụ trong quân đội như Đại đức Minh Tâm (tên đời là Nguyễn Quang Lý), giữ chức Chính trị viên Trung đoàn Trần Cao Vân;... Hoặc Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, người trụ cột trong phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung, khi kháng chiến bùng nổ (19-12-1946), đã thoát ly ra chiến khu, giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Hành chính kháng chiến Nam Trung Bộ.

Nổi bật nhất là việc một số tăng sĩ và Phật tử tham gia ứng cử vào Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (6-1-1946). Báo *Cứu quốc* số ra ngày 10-12-1945 đăng danh sách 46 vị ứng cử đại biểu Quốc hội khóa 1 tại Hà Nội, trong đó có Thượng tọa Tố Liên, tên đời là Nguyễn Thanh Lai (chùa Quán Sứ, Hà Nội), Bác sĩ Nguyễn Hữu Thuyết (Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ)... (9).

Có thể nói, sự tham gia bộ máy chính quyền cách mạng của Tăng ni, Phật tử khi đất nước đang ở tình thế “ngàn cân treo đầu sợi tóc”, nổi bật nhất là việc tham gia ứng cử trong cuộc Tổng tuyển cử 6-1-1946, mới thấy được tinh thần yêu nước thiết tha của Tăng ni, Phật tử Việt Nam, một lòng một dạ ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Điều này có ý nghĩa to lớn trong việc động viên Tăng ni, Phật tử Việt Nam vượt qua khó

khẩn và thách thức, gắn bó với kháng chiến, góp phần cùng toàn dân đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi.

2. Về kinh tế, xã hội và văn hóa

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, do hậu quả sự thống trị hơn 80 năm của thực dân Pháp và sự vơ vét của phát-xít Nhật, nước ta lâm vào tình trạng hết sức khó khăn về kinh tế. Với cương vị là người đứng đầu Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh xem đói nghèo cũng là một thứ giặc vô cùng nguy hiểm như giặc ngoại xâm. Trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ ngày 03-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu sáu vấn đề cấp bách, trong đó có nội dung cứu đói: “Tôi đề nghị với Chính phủ là phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất,... Tôi đề nghị mở một cuộc lạc quyền. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhin ăn một bữa (10). Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo” (11).

Hưởng ứng chủ trương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở khắp các địa phương trên cả nước, Mặt trận Việt Minh và các hội Cứu quốc vận động nhân dân dấy lên phong trào quyền góp, tổ chức “ngày đồng tâm”, “hũ gạo cứu đói”;... tăng gia sản xuất để giải quyết nạn đói. Từ nông thôn đến thành thị, các Hội Phật giáo Cứu quốc đã nhanh chóng triển khai những hoạt động kịp thời cứu đói. Để công tác quyền góp diễn ra nhanh chóng, Hội Phật giáo Cứu quốc chủ trương phát triển và mở rộng các Hội Cứu tế. Theo Thượng tọa Tố Liên, các Hội Cứu tế có thể được thành lập như sau:

“1. Lập ở mỗi huyện 1 hội do toàn thể Tăng ni chủ sự các chùa và các nhà từ thiện trong huyện tổ chức và đoàn kết. Nếu phủ huyện nào cũng có Hội thì tức là toàn tỉnh, toàn bộ, toàn quốc đều có để kiểm soát lẫn nhau.

2. Mỗi hội sẽ có mở nhiều viện cứu tế cho nhi đồng, người già yếu và tàn tật. Song buổi đầu chỉ tổ chức hai viện: Viện Đồng ấu nam và Viện Đồng ấu nữ.

3. Về nền tài chính của Hội: Đối với một người thì là việc to, nhưng đối với toàn thể đồng bào hàng tâm hàng sản thì chỉ là một việc dễ dàng. Các hình thức tạo nên tài chính như sau: 1. Tiền vào Hội. 2. Thóc quyền. 3. Tiền lạc quyền. 4. Tiền trợ cấp và thu được bằng các cuộc vui,...” (12).

Từ cách thức trên, các Hội Cứu tế được thành lập ở các huyện, xã. Tăng ni, Phật tử thành viên của các Hội Phật giáo Cứu quốc hăng hái tham gia, kịp thời quyền góp thóc gạo, tiền của, thuốc men chuyển đến tay nhân dân đang chịu đói rét và dịch bệnh; đồng thời tập hợp các em nhỏ mồ côi, không nơi nương tựa đưa về thành lập các trường nuôi dưỡng. Ở những vùng bị thực dân Pháp chiếm đóng, Tăng ni và Phật tử vẫn tìm mọi cách để trồng trọt lương thực. Cư sĩ Thiều Châu - người phụ trách nhà in Đuốc Tuệ và Thượng tọa Thích Trí Hải sau khi đưa đoàn thiếu nhi sơ tán, đều xin ruộng đất để sản xuất, phục vụ cuộc sống và học tập cho các em.

Để cứu vãn tình hình khó khăn về kinh tế - tài chính, đồng thời nâng cao nguồn ngân sách xây dựng lực lượng vũ trang phục vụ kháng chiến, ngày 4-9-1945, Chính phủ Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh số 4/SL về việc phát động “*Tuần lễ vàng*” và xây dựng Quỹ Độc lập. Các chùa từ Bắc vô tới Nam đã sáng tạo trong việc hiến cúng tài sản, lư hương, chuông đồng, đại hồng chung,...

“Chuông chùa vắng tiếng hôm nay,

Để hoá thân lựu đạn giết bầy giặc Tây” (13).

Thậm chí cả tượng Phật bằng đồng để ủng hộ chính quyền cách mạng rèn đúc vũ

khí chống thực dân Pháp: “Thời quyền vàng từ Bắc Việt vô Trung Việt. Vàng để Chính phủ mua khí giới. Đồng thau để đúc súng đạn. Các chùa miền Bắc và Trung Nam có nơi hiến cúng Chính phủ Việt Minh cả tài sản của nhà chùa (như huê lợi ruộng đất) và tượng Phật đồng, đại hồng chung, lư chơn đèn thau, chuông nhỏ, chuông lớn,... Các nhà tu hành đạo Phật, dù hao tổn của chùa để đổi lấy độc lập cho dân tộc họ cũng sẵn sàng hy sinh không ngần ngại. Chớ như tượng Phật (bằng đồng) là chỗ quy ngưỡng tối tôn đang phụng thờ cũng đem hiến chánh phủ đúc súng đạn. Thử hỏi có đạo nào hy sinh cho Tổ quốc Việt Nam cả tín ngưỡng và tính mạng tài sản như vậy không?” (14).

Về Quỹ Độc lập, tất cả đều được các thành viên Hội Phật giáo Cứu quốc từ miền xuống xã, thôn tích cực hưởng ứng đóng góp. Ở Thái Bình, các Tăng ni, Phật tử đã mở cuộc lạc quyên đóng góp vào Quỹ kháng chiến được 227 đồng, sư cụ chùa Bích Dư cũng quyên góp các tín lão được 54 đồng cho Quỹ Độc lập (15). Ngày 18-1-1946, Chi hội Phật giáo Cứu quốc Bách Lộc, Sơn Tây ủng hộ Quỹ kháng chiến 100 đồng, Quỹ Độc Lập 50 đồng. Ngày 19 và 20-1-1946, tại Đền Bạch Lich, sư tổ chùa Phúc Chính (Ninh Bình) ủng hộ Quỹ kháng chiến 100 đồng; Hội Phật giáo Cứu quốc huyện Đa Phúc (Phúc Yên) ủng hộ Quỹ kháng chiến 200 đồng. Ngày 13-6-1946, sư cụ chùa Nam Dư Hạ (Hà Nội) đem tất cả số tiền dành dụm được trong nhiều năm để dưỡng lão ra ủng hộ Bộ Quốc Phòng 200 đồng và Mặt trận Việt Minh khu Mê Linh, Hà Nội 100 đồng. Một sư ông ở chùa này đã lấy số tiền đáng lẽ dùng làm tiệc rượu cho làng nay đổi thành tiệc trà, số còn lại đóng góp vào các quỹ. Ủy ban Hành chính khu Mê Linh, Ủy ban bảo vệ khu Mê Linh và Ban

Bình dân học vụ khu Mê Linh, mỗi nơi 100 đồng. Ngày 30-5-1946, đại biểu Hội Phật giáo Cứu quốc nội ngoại thành Hà Nội đã tới quân y viện, tặng cho các chiến sĩ 300 đồng; sau đó, đi thăm và tặng quà, tiền cho các anh em tăng già đầu quân tại Cầu Giấy và Bạch Mai; buổi chiều thăm, tặng quà cho các trẻ em nghèo do Hội Phật giáo Cứu Quốc Ni giới nuôi tại trường Phổ Quang. Ngày 16-8-1946, Hội Phật giáo Cứu quốc Hà Nội họp tại chùa Quang Hoa ra nghị quyết nêu rõ:

“1. Tăng ni nội ngoại thành xung phong vào việc góp Đám phụng quốc phòng;

2. Triệt để ủng hộ Chính phủ cả về tinh thần lẫn vật chất” (16).

Về văn hoá, chính sách cai trị thâm độc của thực dân Pháp đã đưa đến hậu quả là hơn 90% đồng bào ta mù chữ. Với nhận thức “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ:

“Muốn giữ vững nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu.

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ” (17).

Chỉ một tuần sau khi tuyên bố nền độc lập của nước nhà, ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành ba sắc lệnh về giáo dục: Sắc lệnh 17/SL thành lập Nha Bình dân học vụ, Sắc lệnh 19/SL quy định mọi làng phải có lớp học bình dân và Sắc lệnh 20/SL cưỡng bách học chữ Quốc ngữ không mất tiền.

Phong trào Bình dân học vụ thu hút hàng chục vạn người từ thôn xã, làng bản đến thành thị theo học. Các hội viên của Hội Phật giáo Cứu quốc đã trở thành những người tiên phong dạy chữ, các chùa

trở thành những địa điểm mở lớp bình dân học vụ. Một phong trào hưởng ứng dạy và học xóa mù nổi rộ trong Tăng ni, Phật tử. Ngày 24-12-1945, lớp bình dân học vụ khai giảng tại chùa Phù Long, Sơn Tây, phần đông là phụ nữ. Chỉ sau hơn 8 tuần, ngày 28-3-1946 lớp đã tổ chức lễ sát hạch và bế mạc. Tất cả các học viên của lớp đều đạt chỉ tiêu biết đọc. Ngày 21-3-1946, lớp bình dân học vụ khai giảng tại chùa Quan, Sơn Tây do sư ông Nguyễn Đạt trụ trì tổ chức. Lớp học này gồm các giới bô lão, thanh niên, phụ nữ và bộ đội Vệ quốc đoàn ở khu Lạc Tụ, tổng số là 76 học viên đến từ 10 xã.

Với tinh thần xem bình dân học vụ là một mặt trận, Thượng tọa Tố Liên đã viết bài “Tăng già muốn nâng cao trình độ thời phải nhiệt liệt tham gia vào bình dân học vụ” đăng trên Nguyệt san Diệu Âm, nêu lên những biện pháp của nhà chùa trong công tác xóa nạn mù chữ: “Các chiến sĩ quyết hy sinh tính mệnh ra nơi chiến địa, chiến đấu với quân thù để giữ vững non sông đất nước, thì đằng này các giáo viên hy sinh hết tâm lực thì giờ để tiểu trừ giặc dốt cho quốc dân, hai đường đều có công ân Cứu quốc cả. Riêng tôi, thì tôi nhận thấy việc bình dân học vụ còn mật thiết hơn,... Toàn cõi Việt Nam mỗi chùa đều lập một trường bình dân học vụ, trường học đó lại là trụ sở tuyên truyền báo chí, đó là phương pháp cải tổ nhân tâm rất giản dị mà có rất nhiều hiệu quả. Hầu khắp đất nước Việt Nam, làng nào cũng có chùa, vị sư chùa nào cũng gắng gỏi, cũng nhiệt liệt với công cuộc bình dân học vụ như vậy thì chẳng cần phải bỏ bút mực chiến bào mà vẫn thành công tiểu trừ giặc dốt, xóa cái nạn dân ngu như vậy chẳng là một biện pháp Cứu quốc có hiệu lực ư” (18).

Cùng với phong trào bình dân học vụ, các hội Phật giáo Cứu quốc nhận thức rõ tầm quan trọng phát triển văn hóa dân tộc, vì vậy, các Hội đã tăng cường phát triển cơ quan ngôn luận, một mặt minh bạch tiếng nói của Hội; mặt khác, thông qua báo chí để củng cố và phát triển văn hóa, văn nghệ. Hội Phật giáo Cứu quốc ở Bắc Bộ, có Nguyệt san Hoa Sen; Hội Phật giáo Cứu quốc ở Trung Bộ có Bán Nguyệt san Giải Thoát; Hội Phật giáo Cứu quốc ở Nam Bộ có tờ Tinh Tấn. Mục đích của Tinh Tấn cũng chính là mục đích của Nguyệt san Hoa Sen và Giải Thoát:

“1. Tấn triển công tác kháng chiến Cứu quốc cũng như kiến quốc, thiết thực của người Phật tử.

2. Nghiên cứu giáo lý Đại thừa để phát triển tinh hoa Phật giáo.

3. Nâng cao Chánh pháp để chinh đốn Giáo hội Tăng già.

4. Đem chánh tín diệt trừ mê tín cho hợp với đời sống mới của toàn dân” (19).

Các tạp chí Phật học đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc động viên Tăng ni, Phật tử tham gia kháng chiến. Tạp chí Tinh Tấn số 1 đăng bài thơ của thiền sư Tam Không (20):

“...

Hồi tăng già nung sôi bầu nhiệt huyết,

Lòng lợi tha đau tiếc chí hy sinh.

Phải xả thân vì công lý hoà bình,

Chơn hạnh nguyện là từ bi cứu khổ...” (21).

Bài thơ đã tác động đến hàng trăm, hàng ngàn Phật tử, làm lay động những con tim yêu nước, khiến họ nhận thức được bốn phận của công dân trước việc nền độc lập của dân tộc bị đe dọa. Thượng tọa Quảng Ân ở chùa Linh Phước (Mỹ Tho) đã bày tỏ ý kiến: “Sau khi đọc mấy lời tâm

huyết, tôi thiết tưởng nó là một hồi chuông cảnh tỉnh, để Phật giáo đồ thực hành ngay bản nguyện lợi sanh của chư Phật. Sứ mạng của Tăng già trong giai đoạn này là diệt trừ bọn tàn ác xâm lăng, đem lại hoà bình tự do cho dân tộc. Tôi mong lối thi này đủ hiệu lực rền vang cùng chuông khánh mõ kinh mà phấn khởi tất cả các Tăng ni đương ẩn khuất trong chốn thị thành đứng lên kháng chiến” (22).

Ngoài ra, các Hội Phật giáo Cứu quốc còn sử dụng văn nghệ làm công cụ tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước, khích lệ tinh thần Tăng ni, Phật tử và quần chúng ra trận, như ngày 20-11-1946, Ban ca kịch Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ diễn vở kịch “Cà sa giết giặc”,...

Trong bối cảnh đất nước bị ngoại bang thống trị gần một thế kỷ, nay vừa giành độc lập, đối diện với âm mưu tái xâm lược của thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh càng nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết toàn dân, đặc biệt là đoàn kết lương - giáo, đoàn kết giữa tôn giáo này với tôn giáo khác. Để thực hiện nhiệm vụ này, các Hội Phật giáo Cứu quốc đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa mang ý nghĩa “Tôn giáo đoàn kết”. Ngày 16-10-1945, Hội Phật giáo Bắc Bộ cùng Hội Phật tử Việt Nam tổ chức Tuần lễ văn hóa tại chùa Quán Sứ, trong đó có ngày lễ hạnh nguyện Phật giáo và bữa cơm chay đoàn kết dân tộc. Tuần lễ văn hóa đã đón nhận sự tham gia của đông đảo Tăng ni, Phật tử, đồng bào Thiên Chúa giáo, đặc biệt là có sự tham dự của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Buổi lễ đã bán đấu giá bức ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh để quyên tiền ủng hộ kháng chiến, Phật tử Lê Ngọc Tiến đã nhường cho ông Ngô Tử Hạ - đại biểu Thiên Chúa giáo - mua bức ảnh với giá 10.100 đồng để kỉ

niệm tình đoàn kết giữa hai tôn giáo (23).

Ngày 6-8-1946, tại tòa Thị chính Hà Nội, Ủy viên Ban Thường vụ Hội Liên hiệp quốc dân Trần Huy Liệu đã chủ trì cuộc họp đại biểu các tôn giáo gồm Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Tin Lành chuẩn bị kỷ niệm Cách mạng tháng Tám. Các đại biểu đã bầu ra một ban tổ chức do sư cụ Đại Nguyên - Tổng Thư ký Hội Phật giáo Cứu quốc - làm trưởng ban, Linh mục Nam làm phó trưởng ban và một đại biểu Cao Đài làm thư ký. Ban Tổ chức đã quyết định lấy ngày 20-8 làm ngày Tôn giáo đoàn kết (24).

Những hoạt động trên đã khiến cho các tôn giáo ở Việt Nam xích lại gần nhau, gắn bó với nhau hơn trong điều kiện đất nước đối mặt với vô vàn khó khăn thử thách, để từ đó, các tôn giáo, đồng bào lương - giáo đoàn kết trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

3. Thanh niên Tăng tham gia phong trào Nam tiến

Đất nước độc lập chưa tròn tháng, ngày 23-9-1945, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Chúng đánh chiếm Nam Bộ, từ Sài Gòn vang lên “tiếng gọi sơn hà nguy biến”. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các Hội Phật giáo Cứu quốc, đặc biệt Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ bằng nhiều hoạt động, tích cực tham gia phong trào Nam tiến. Ở chùa Phương Mỹ, huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng), chư Tăng lập Bộ đội Tăng già có 15 sư ông “đã tình nguyện lên đường xung phong Nam tiến. Nhiều người đã chiến đấu và hy sinh anh dũng trong đội hình đại đội 1 quân Nam tiến Hải Phòng - Kiến An. Trong đó có hai anh em ruột nhà sư Nguyễn Hữu Tường, chính trị viên đội Tăng già Cứu quốc Thủy Nguyên” (25).

Ở huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, “thanh niên hăng hái tòng quân, say mê luyện tập quân sự. Một số nhà sư như sư

Trung, sư Hậu ở chùa Hy Nghĩa (Đồn Xá), sư ấn ở chùa La Xá,... đã tình nguyện cởi áo cà sa đi bộ đội đánh Pháp” (26).

Có trường hợp, Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ viết thư gửi đồng bào Nam Bộ, bày tỏ sự ủng hộ triệt để cuộc kháng chiến của quân và dân Nam Bộ nhằm bảo tồn sự vẹn toàn đất nước: “Bạch các anh chị em, chúng tôi Hội Phật giáo Cứu quốc nhân ngày giỗ Tổ chùa Bà Đát, Hà Nội, trụ sở của bản Hội nhân vào ngày đầu tiên của Dương lịch năm 1946 xin tinh thần gửi mấy lời chúc mừng và úy lạo, ủng hộ các anh chị em dũng mãnh, tinh tiến, kháng chiến đến cùng giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc,... Diệt xâm lăng, mà Phật tử vẫn có thể theo chủ nghĩa từ bi cứu thế, về việc diệt xâm lăng vào địa ngục là việc duy nhất của người từ bi cứu thế phải làm, nay anh chị em chúng ta chẳng làm thì ai làm,... ủng hộ kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ. Việt Nam độc lập muôn năm” (27).

Ngày 15-4-1946, Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Bắc Giang ra tuyên bố bày tỏ ủng hộ Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, nghiêm khắc lên án thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ: “Phật giáo Cứu quốc toàn tỉnh Bắc Giang xin có lời trân trọng kính chúc cụ Hồ Chủ tịch muôn năm, Phật giáo Cứu quốc muôn năm, Việt Nam thống nhất muôn năm. Tăng ni yêu cầu Chính phủ: Cương quyết bắt Pháp thi hành đúng bản Hiệp định Sơ bộ. Đình chỉ ngay cuộc đánh úp Nam Bộ, Nam Trung Bộ. Nam Kỳ của người Việt Nam. Phản ứng trưng cầu ý kiến. Sẵn sàng đợi mệnh lệnh của Chính phủ. Ủng hộ Chính phủ kháng chiến do Hồ Chủ tịch lãnh đạo” (28).

Ở Sơn Tây, ngày 18-4-1946, Chi hội Phật giáo Cứu quốc Bách Lộc tổ chức lễ truy điệu chiến sĩ trận vong Nam Bộ. Buổi tối, Ban

Tôn giáo, Hội Phật giáo Cứu quốc tổ chức diễn kịch, tiền thu được đều ủng hộ anh em tự vệ mua khí giới. Trước khi mở màn, Sư ông Nguyễn Đạt lên diễn thuyết, kêu gọi Tăng già và các giới đoàn kết chặt chẽ để ủng hộ Chính phủ về mọi phong trào.

Trong thư đề ngày 31-5-1946, gửi đồng bào Nam Bộ, Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ viết: “Chúng tôi xin phát nguyện trước Phật đài rằng: Dầu cho xa cách ngàn trùng, Phật giáo, đồng bào Bắc Bộ lúc nào cũng thiết tha thắt chặt mối đồng tâm với anh chị em đồng bào Nam Bộ để vượt qua mọi trở lực khó khăn đi tới diên thổ thống nhất Trung, Nam, Bắc, Việt Nam độc lập hoàn toàn.

Chúc anh chị em đồng bào Nam Bộ vững lòng tin tưởng Chính phủ Hồ Chí Minh và kiên quyết chiến đấu để tiến đến thắng lợi cuối cùng.

Việt Nam thống nhất muôn năm!

Đồng bào Nam Bộ anh dũng muôn năm!” (29).

Hội Phật giáo Cứu quốc Bắc Bộ còn phát động phong trào quyên góp tiền bạc ủng hộ Nam Bộ kháng chiến. “Phật giáo Cứu quốc Trung ương 886,50 đồng, các tín đồ tiểu tổ Giáp Bát 50 đồng; đền Đông Hưng 574,16 đồng, Hội Phật tử Việt Nam 1.101 đồng, Phật giáo Cứu quốc Hà Đông 1.300 đồng, chi hội Đan Phượng 678 đồng,...” (30). Ngày 23-9-1946, Hội Phật giáo Cứu quốc thị xã Hải Dương đã gửi giúp đồng bào Nam Bộ 673,00 đồng.

Hưởng ứng việc hiến máu nhân đạo hướng về Nam Bộ, ngày 6-7-1946, Hội Phật tử Việt Nam đến nhà thương Phủ Doãn để hiến máu. “Họ tuyên bố một cách giản dị rằng đây là họ thực hành lời thề của Hội trong Ngày Nam Bộ, là cùng góp một phần nào để hy sinh xương máu như

các chiến sĩ ngoài mặt trận” (31). Ông Nguyễn Duy Trinh và nhà sư Sơn Dung là hai người đã cho máu trước nhất.

Tại một số địa phương, Tăng ni, Phật tử tổ chức lễ truy điệu, cầu siêu cho các chiến sĩ hy sinh ở Nam Bộ, như tại chùa Từ Đàm nhân lễ Phật đản năm Bính Tuất (5-1946), Phật giáo Thừa Thiên Huế đã tổ chức lễ truy điệu và đọc “Văn tế trận vong chiến sĩ”: “Trước tiên tuyền nằm gai nếm mật; kỳ giết giặc ăn gan uống máu, nào ghê đại bác thần công/Sau hậu phương gọi gió tẩm mưa, hẹn cùng nhau sẻ áo san cơm, không khiếp phi cơ khủng bố/Mấy kẻ thủy biên lâm hạ, cõi cà sa khoác lấy chiến bào/ Mấy người liễu chất bồ tơ, từ khuê khốn vào nơi quân ngũ...”

Nay mừng gặp tháng Tư mừng Tám, chính là Khánh Đản Đức giáo chủ Bổn sư Thích Ca/Ngỏ xin đem nén khói tràng hoa, gọi là tâm vi thành tín đồ Phật giáo Việt Nam..

Hỡi các anh linh! (32).

Hướng về Nam Bộ kháng chiến, biết bao Tăng ni, Phật tử đã quên mình, hy sinh vì sự nghiệp độc lập dân tộc, minh chứng cao đẹp cho phương châm: “Đạo pháp gắn liền với dân tộc” của Phật giáo Việt Nam. Cũng cần nói thêm ở đây, ngoài những đoàn quân Nam tiến từ Bắc Bộ và Trung Bộ, Nam Bộ - nơi tiến hành kháng chiến chống Pháp đầu tiên, nhiều Tăng ni, Phật tử đã gia nhập Vệ Quốc đoàn rất sớm. Ở Vĩnh Long, Trà Vinh, sư cụ Hoàn Tâm cùng các nhà sư yêu nước khác đã thành lập Hội Phật giáo Cứu quốc Vĩnh Trà. Sau khi ra đời, Hội đã kết nối các chùa và tổ chức cho các Tăng ni hoạt động yêu nước, nhiều nhà sư trong Hội đã tham gia Mặt trận Việt Minh ở địa phương, một số nhà sư như: Minh Quang, Hoàn Thiện, Hoàn Triều,

Chánh Đức,... đã gia nhập quân ngũ, chiến đấu anh dũng, có sư hy sinh ngoài mặt trận. Theo Nguyễn Lang, ở trong Nam, đa số thanh niên học tăng Phật học đường Trà Vinh đều bỏ học đi theo kháng chiến (33).

*

Nghiên cứu và tìm hiểu “Tăng ni, Phật tử Việt Nam hiện thực hoá chủ trương, chính sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh hơn năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám 1945”, có thể rút ra một số nhận định chủ yếu sau đây:

Một là, ngay khi Cách mạng tháng Tám 1945 vừa thành công, ý thức rằng Phật giáo Việt Nam sớm “đồng hành cùng dân tộc”, vừa mới trở về từ chiến khu (25-8-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm chùa Bà Đá (26-8-1945), liền sau đó ngày 28-8-1945, Hội Phật giáo Cứu quốc ra đời, mở đầu cho một loạt các hội Phật giáo Cứu quốc cấp miền (bộ), cấp tỉnh, cấp thành phố, huyện, xã ra đời. Từ đây, thông qua Hội Phật giáo Cứu quốc, Tăng ni và Phật tử Việt Nam tham gia kháng chiến, kiến quốc trên tất cả các mặt trận do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra. Điều khẳng định là hết thảy những chủ trương, chính sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tăng ni và Phật tử Việt Nam đều hưởng ứng và hưởng ứng một cách tích cực. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chiếm trọn trái tim và khối óc của Tăng ni, Phật tử Việt Nam. Điều này là khẳng định, bởi ngay ngày 14-12-1945 (trước cuộc tuyển cử 6-1-1946), Hội Phật giáo Cứu quốc Hà Nội ra quyết nghị gồm 2 điều: “1. Tất cả tín đồ đệ tử Phật giáo nội ngoại thành đồng tình bỏ phiếu bầu cử Hồ Chí Minh vào Quốc hội,... 2. Suy tôn và ủng hộ cụ Hồ Chí Minh lên chức vụ Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà” (34).

Hai là, sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, đất nước đứng

trước họa thù trong giặc ngoài, hưởng ứng những chủ trương, chính sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tăng ni và Phật tử Việt Nam có mặt trên các trận tuyến: Diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm. Điều đáng nói là dù có mặt ở trận tuyến nào đi nữa, Tăng ni, Phật tử Việt Nam cũng dốc hết tâm lực, lăm lăm hy sinh không chỉ tính mạng của mình mà còn cả “tượng Phật (bằng đồng) là chỗ quy ngưỡng tối tôn đang phụng thờ cũng đem hiến Chính phủ đúc súng đạn” (35) như Văn Thanh đã viết trong “Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam và phát nguồn các giáo phái hiện đại”.

Ba là, Tăng ni và Phật tử Việt Nam với khát vọng độc lập dân tộc, mà nhân dân ta vừa giành được trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vì vậy, khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai (23-9-1945), Tăng ni, Phật tử Việt Nam tích cực hưởng ứng chủ trương, chính sách của Chủ

tịch Hồ Chí Minh, đã cầm súng chiến đấu, một lần nữa minh chứng cao nhất cho phương châm: “Đạo pháp gắn liền với dân tộc” của Phật giáo Việt Nam, như Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Chủ tịch Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ, khẳng định: “Phật giáo Việt Nam chỉ bền vững và có ý nghĩa khi đã biết gắn mình vào với dân tộc Việt Nam, hòa mình vào trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, không thể khép kín hoặc tách rời ra khỏi cộng đồng đó. Đứng trước họa xâm lăng đương đe dọa Tổ quốc, Phật tử không thể ngồi yên gõ mõ tụng kinh cầu nguyện, mặc cho kẻ thù đem súng tàn sát những người ruột thịt của mình. Có ý thức như vậy và hành động đúng như vậy, Tăng ni, Phật tử mới thể hiện đúng tinh thần Vô ngã, Vị tha của Đức Phật, nghĩa là Phật tử luôn quên mình để cứu độ chúng sinh” (36), đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Phật giáo Việt Nam với dân tộc như hình với bóng, tuy hai mà một” (37).

CHÚ THÍCH

(1). Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 31.

(2). Do chính sách “chia để trị” của thực dân Pháp, Phật giáo Việt Nam lúc này chưa được thống nhất, nên ba miền thành lập ba hội Phật giáo Cứu quốc. Các hội Phật giáo Cứu quốc chung cùng một mục tiêu là bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ thành quả cách mạng dưới ngọn cờ của Mặt trận Việt Minh.

(3), (11), (17). Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4 (2/9/1945 -12/1947), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 9, tr. 6, tr. 30.

(4), (5), (12), (16), (18), (23), (25), (26), (29), (34). Nguyễn Đại Đồng, *Biên niên sử Phật giáo*

miền Bắc (1920 - 1953), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008, tr. 240, 245 - 246, 264, 260, 261, 241-242, 241, 275, 258, 245.

(6). Nghị định số 158 NV/PG ngày 23-5-1946 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc thành lập Việt Nam Phật giáo hội, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu tài liệu: P22/D6351/157.

(7). Nguyễn Đại Đồng, “Vài nét về chính quyền cách mạng với Phật giáo (từ tháng 8 năm 1945 đến tháng 12 năm 1946)”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4, 2005, tr. 16-17.

(8). Chính sách của Chính phủ đối với tôn giáo, Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, Hà Nội, Ký hiệu tài liệu: Hồ sơ 1325.

(9). Báo Cứu Quốc, ngày 10-12-1945.

(33). Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1994, tr. 213, 215.

(10). Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng và gương mẫu thực hiện phong trào hũ gạo cứu đói, với nghĩa cử cao đẹp mỗi tuần nhịn ăn một bữa.

(13). Thích Huệ Thông, *Phật giáo Tiền Giang lược sử và những ngôi chùa*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 82.

(14). Vân Thanh, *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam và phát nguồn các giáo phái hiện đại*, Phật học viện và các chùa xuất bản, Sài Gòn, 1974, tr. 241.

(15). Báo Cứu Quốc, ngày 21-12-1945.

(19). Trần Thuận, “*Phật giáo Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam 1945 - 1954: Tính chất, đặc điểm và ý nghĩa lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, tháng 8-2014, tr. 81.

(20). Tam Không là bút hiệu của Hoà thượng Thích Minh Nguyệt, Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ.

(21). Thích Huệ Thông, *Phật giáo Tiền Giang lược sử và những ngôi chùa*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 82.

(22). Trần Thuận, “*Phật giáo Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam 1945 - 1954: Tính chất, đặc điểm và ý nghĩa lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, tháng 8-2014, tr. 81, 81-82.

(24). Lê Tâm Đắc, “Đóng góp của Phật giáo miền Bắc với sự nghiệp giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỷ XX”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, 2008, tr. 26.

(27). Báo Cứu Quốc, ngày 10-1-1946.

(28). Nguyễn Đại Đồng, “Vài nét về chính quyền cách mạng với Phật giáo (từ tháng 8 năm 1945 đến tháng 12 năm 1946)”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4, 2005, tr. tr.25.

(30). Báo Cứu Quốc, ngày 11-7-1946.

(31). Lê Tâm Đắc, “Đóng góp của Phật giáo miền Bắc với sự nghiệp giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỷ XX”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, 2008, tr. 26.

(32). Nguyễn Thị Thu Hiền, *Hoạt động của Hội Phật giáo Cứu quốc trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 2014, tr. 55-56.

(35). Vân Thanh, *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam và phát nguồn các giáo phái hiện đại*, sdd, tr. 241.

(36). Hà Thúc Minh, “Lịch sử tư tưởng Việt Nam và vấn đề Phật giáo”, in trong sách *Mấy vấn đề Phật giáo và tư tưởng Việt Nam*, Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội, 1986, tr. 47.

(37). Thích Đức Nghiệp, “Hồ Chủ tịch một biểu trưng nhân bản Việt Nam”, trong Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 1, Phân viện nghiên cứu Phật học, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hà Nội, 1991, tr. 29.